

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 40-TC/CĐKT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 1991

THÔNG TƯ

SỐ 40/TC-CĐKT NGÀY 12-7-1991 CỦA BỘ TÀI CHÍNH HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN CÁC NGHIỆP VỤ THU, CHI
BẰNG NGOẠI TỆ

Từ khi nhà nước công bố xoá bỏ tỷ giá kế toán nội bộ việc chuyển đổi ngoại tệ ra tiền Việt nam để ghi sổ kế toán và lập báo cáo kế toán ở các đơn vị có thu, chi ngoại tệ được thực hiện mỗi nơi một khác thiếu nhất quán, nhiều trường hợp không phản ánh trung thực và sai nguyên tắc kế toán. Để khắc phục tình trạng trên, Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp kế toán các nghiệp vụ thu, chi bằng ngoại tệ ở các đơn vị kinh tế như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Các đơn vị sản xuất, kinh doanh phải thực hiện việc ghi sổ kế toán và lập báo cáo kế toán theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là đồng Ngân hàng Việt Nam.

Các nghiệp vụ thu, chi bằng ngoại tệ phát sinh phải được ghi sổ bằng nguyên tệ và chuyển đổi ra tiền Việt Nam theo nguyên tắc qui định tại Thông tư này.

2. Nguyên tắc chuyển đổi ra tiền Việt Nam để ghi sổ kế toán như sau:

- Giá trị tài sản cố định, nguyên vật liệu, công cụ lao động nhỏ, hàng hoá mua bằng ngoại tệ được ghi sổ kế toán bằng tiền Việt Nam theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng công bố (giá Ngân hàng mua vào dưới đây gọi tắt là tỷ giá Ngân hàng), tại thời điểm ghi tăng tài sản đó. Trong quá trình sử dụng sau này việc đánh giá lại tài sản đã mua sắm bằng ngoại tệ, được thực hiện như tài sản mua sắm bằng tiền Việt Nam.

- Các khoản chi phí và doanh thu trực tiếp bằng ngoại tệ (vốn bằng tiền) được ghi sổ kế toán bằng tiền Việt Nam theo tỷ giá Ngân hàng tại thời điểm phát sinh chi phí và doanh thu.

- Để đơn giản công việc kế toán vốn bằng tiền, bằng ngoại tệ (tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, tiền đang chuyển) và các khoản công nợ bằng ngoại tệ (công nợ trong thanh toán, các khoản vay) phát sinh hàng ngày được ghi sổ bằng nguyên tệ và bằng tiền Việt Nam theo tỷ giá hạch

toán. Tỷ giá hạch toán là tỷ giá Ngân hàng tại thời điểm đầu mỗi tháng (hoặc đầu mỗi quý nếu biến động ít). Cuối tháng (hoặc cuối quý) tiến hành điều chỉnh tỷ giá hạch toán theo tỷ giá Ngân hàng tại thời điểm đó và lấy tỷ giá này làm tỷ giá hạch toán của tháng (hoặc quý) tiếp theo. Đối với những đơn vị ít phát sinh các nghiệp vụ thu chi bằng ngoại tệ thì ghi sổ theo tỷ giá Ngân hàng khi phát sinh.

3. Số chênh lệch giữa tỷ giá hạch toán áp dụng trong tháng (hoặc trong quý) với tỷ giá Ngân hàng trong từng lần phát sinh ngoại tệ và số chênh lệch do điều chỉnh tỷ giá vào đầu tháng (hoặc đầu quý) được phản ánh trên tài khoản 65 "Chênh lệch tỷ giá và chỉ số giá" (651 - Chênh lệch tỷ giá). Cuối năm, tổng hợp TK 65 xác định số dư và xử lý theo chế độ bảo toàn vốn của nhà nước.

4. Đối với đơn vị thu, chi nhiều loại ngoại tệ khác nhau thì dùng tỷ giá Ngân hàng để xác định tỷ giá hạch toán riêng cho từng loại. Những ngoại tệ nào không có tỷ giá Ngân hàng thì trước khi chuyển đổi ra tiền Việt Nam phải chuyển đổi ra đồng đô la Mỹ theo tỷ giá giữa đồng ngoại tệ đó với đồng đô la Mỹ do Ngân hàng thông báo.

II. PHƯƠNG PHÁP KẾ TOÁN MỘT SỐ NGHIỆP VỤ CHỦ YẾU

1. Khi mua sắm tài sản, vật tư, hàng hoá... ghi:

Nợ TK 10, 21, 22, 23 - theo tỷ giá Ngân hàng

Có TK 60 - "Thanh toán với người bán" - theo tỷ giá hạch toán.

Có TK 65 - Chênh lệch tỷ giá và chỉ số giá (651)

(hoặc ghi Nợ TK 65 - 651: Khi tỷ giá hạch toán lớn hơn tỷ giá Ngân hàng)

2. Khi phát sinh các chi phí ghi:

Nợ TK 30, 31, 34... theo tỷ giá Ngân hàng

Có TK 60 - Thanh toán với người bán - theo tỷ giá hạch toán.

Có TK 65 - Chênh lệch tỷ giá và chỉ số giá (651)

(Hoặc ghi Nợ TK 65 - 651: Khi tỷ giá hạch toán lớn hơn tỷ giá Ngân hàng).

3. Thanh toán cho người bán, ghi:

Nợ TK 60 - Thanh toán với người bán - theo tỷ giá hạch toán.

Có TK 50, 51, 90, 91, 92 - theo tỷ giá hạch toán (đồng thời ghi gốc nguyên tệ).